

THÁI ĐỘ CỦA ANH ĐỐI VỚI CUỘC CHIẾN TRANH CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG (1945-1954)

Nguyễn Thị Mai*

Tóm tắt: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam kéo dài 9 năm (1945-1954), tên của nhiều nước gắn với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam đã xuất hiện như Anh, Trung Quốc, Liên Xô, Mỹ, các nước dân chủ nhân dân Đông Âu như Rumani, Hunggari, Ba Lan, Tiệp Khắc... Trong đó, chúng ta thấy có sự xuất hiện của cả 5 nước trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Điều đặc biệt là gắn với mở đầu và kết thúc cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều có sự tham dự của nước Anh. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, Anh ủng hộ và giúp Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam. 9 năm sau đó, Anh lại cùng các nước tham gia Hội nghị Geneve cố gắng tìm kiếm một giải pháp hòa bình ở Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung. Bài viết này làm rõ quan điểm và quá trình Anh giúp Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, thái độ của Anh trong Hội nghị Geneve, và lý giải vì sao Anh thay đổi thái độ về cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Từ khóa: Anh, Đông Dương, Geneve, Pháp, Việt Nam

Abstract: The Vietnamese people's resistance war against the French colonialists lasted 9 years (1945-1954), many countries associated with the Vietnamese people's struggle for national liberation such as Britain, China, the Soviet Union, the United States, the People's Democracies of Eastern Europe such as Romania, Hungary, Poland, Czechoslovakia etc. We can see the appearance of all five countries in the United Nations Security Council. The special thing is that the opening and ending of the Vietnamese people's resistance war was attended by Britain. After the World War II ended, Britain supported and helped France return to invade Vietnam. Nine years later, Britain and other countries participating in the Geneva Conference tried to find a peaceful solution in Vietnam in particular and Indochina in general. This article clarifies the British perspective and process of helping the French return to invade Vietnam, Britain's attitude in the Geneva Conference; and explains why Britain changed the attitude about the French Indochina War.

Keywords: Britain, Indochina, Geneve, France, Vietnam

1. Anh ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương

Tại Hội nghị Teheran (11/1943), Mỹ chủ trương lập “chế độ ủy trị quốc tế” ở

Đông Dương nhằm ngăn thực dân Pháp tái lập chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Quan điểm của Mỹ được sự ủng hộ của Tướng Giới Thạch và Stalin, nhưng Anh phản đối. Anh lén lút tổ chức cho một toán điệp báo của Pháp (dưới danh nghĩa “Lực lượng 136” của quân Anh) nhảy dù bắt liên lạc với thực dân Pháp ở Đông Dương. Năm 1944, Anh tránh thảo luận về một liên minh như vậy tại Hội nghị Dumbarton Oaks, một hội nghị đề

*TS., Viện Lịch sử Đảng, HVCTQGHCN

Nhận bài ngày: 1/3/2022

Phản biện xong: 11/3/2022

Chấp nhận đăng: 17/3/2022

cập đến hệ thống chính trị quốc tế thời hậu chiến. Ngoại trưởng Mỹ Hull kể về quan điểm của ngoại trưởng Anh Iden: Ông ấy nói từ “độc lập” (cho các quốc gia thuộc địa ở Đông Dương) làm phiền ông ấy, ông ấy phải nghĩ về hệ thống đế chế Anh, nơi hình thành từ thuộc địa và các vùng phụ thuộc... Ông ấy chỉ ra rằng, dưới hệ thống đế chế Anh có nhiều mức độ tự cai quản từ vùng phụ thuộc đến thuộc địa, như Malta tự trị hoàn toàn đến các vùng lạc hậu không bao giờ có thể có chính phủ riêng của mình” (Nguyễn Văn Hương, 2016: 69). Nếu phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Dương thắng lợi thì người dân các thuộc địa Anh ở Đông Nam Á cũng có thể nổi dậy giành độc lập. Điều đó cho thấy, đế quốc Anh xuất phát từ quyền lợi thực dân của mình, luôn luôn chống lại thuyết ủy trị quốc tế của Rudoven, chống lại việc trao trả độc lập cho các thuộc địa cũ, lập trường nhất quán của Anh là tích cực ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương.

Tuyên bố ngày 24/3/1945 của Đờ Gôn tái khẳng định việc chia cắt Việt Nam cũng như vấn đề chủ quyền của Pháp ở đây (Pierre Journound, 2019: 47). Tuy nhiên, năm 1945 có mấy sự kiện quan trọng liên quan đến hệ thống chính trị thế giới thì Pháp đều không được tham dự, đó là các cuộc họp cấp cao của Đồng Minh ở Yanta, Poxdam, ngay trong buổi lễ tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật ở Hà Nội cũng không có cờ của Pháp. Vì vậy, để trở lại Đông Dương, một trong những việc Pháp phải làm là tranh thủ sự đồng tình của các nước lớn. Ngày 22/8/1945, Đờ Gôn đi Mỹ vận động ủng hộ vai trò của Pháp ở Đông Dương. Truman tuyên bố thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Ngày 24/8/1945, Đờ Gôn ký với Chính phủ Anh một thỏa hiệp về nguyên tắc và cách

thức khôi phục lại quyền hành của Pháp ở Đông Dương (Nguyễn Mạnh Hà, 2017: 20).

Thực hiện quyết định giải giáp quân đội Nhật của Hội nghị Poxdam, nam vĩ tuyến 16 do Anh phụ trách, Bắc vĩ tuyến 16 cho Trung Hoa Dân Quốc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố độc lập. Như vậy, Pháp phải được sự đồng ý của Anh, Trung Hoa Dân Quốc và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới có thể đưa quân vào Việt Nam được.

Ý định trở lại Đông Dương được áp rút chuẩn bị. Ngày 17/8/1945 lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông được thành lập, cùng ngày, Leclec đi Kandy và được tướng Mountbatten - Tư lệnh lục quân Anh ở Đông Nam Á hứa giúp đỡ quân Pháp trở lại Đông Dương. Ngày 22/8/1945, một máy bay không quân của Hoàng gia Anh thả một nhóm nhân viên quân sự và dân sự xuống Tây Ninh. Đại tá Cesdile, người được cử làm ủy viên Cộng hòa Pháp tại miền Nam Việt Nam cũng ở trong nhóm này (Ban tổng kết chiến tranh Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, 2015: 32).

Ngày 5/9/1945, một phân đội nhỏ của quân đội Anh được phái đi trước bằng đường không đổ bộ xuống Tân Sơn Nhất. Ngày 6/9/1945, quân Anh tới Sài Gòn, trà trộn trong đó là một đại đội gồm 120 binh sĩ thuộc Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 của Pháp mặc quân phục quân đội Hoàng gia Anh, sang làm nhiệm vụ tiền trạm. Ngày 11/9/1945, tướng Gracey chỉ huy một lữ đoàn thuộc sư đoàn 20 Hoàng gia Anh và hai đại đội còn lại của tiểu đoàn biệt kích thuộc Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 của Pháp, lúc này, những người lính Pháp công khai mặc quân phục Pháp. Đến Sài Gòn, Gracey

cho thả những người Pháp bị Nhật bắt giam trước đây đặt họ dưới sự chỉ huy của mình và tiến hành chống phá chính quyền cách mạng vừa mới được thành lập. Liên tiếp sau đó, quân Anh - Pháp tiến hành hàng loạt biện pháp từng bước chiếm Sài Gòn. “Nhưng Gracey, sau khi khẳng định địa vị hợp pháp của mình, đã xông vào các báo chí Việt Nam, cấm tất cả các loại báo nhưng lại bỏ qua, không đụng gì đến Đài Sài Gòn và các báo người Pháp” (Archimedes L.A. Patti, 2008: 514). Ngày 21/9, tướng Gracey ra lệnh thiết quân luật. Ngày 23/9, Pháp nổ súng mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tướng Gracey quyết định vũ trang lại cho trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11 để tham gia vào việc đảm bảo an ninh của thành phố¹.

Trước những phản ứng của phía Việt Nam, Chính phủ Anh lo lắng, họ sợ bị lôi cuốn vào Đông Dương. Ngày 28/9, tướng Gracey và Xêdin được triệu đến Singapore, với sự hiện diện của J.J.Loson - Bộ trưởng chiến tranh của Nữ hoàng Anh, Mounbatten đã nhắc lại chính sách của Anh, nhấn mạnh việc quân đội Anh không được can thiệp vào công việc nội bộ của Đông Dương và nhất là không được sử dụng để đánh lại người Việt (Archimedes L.A. Patti, 2008: 527), yêu cầu Xêdin mở lại các cuộc tiếp xúc với Việt Nam, Tướng Gracey nhận lệnh đứng trung lập và giới hạn nhiệm vụ của mình trong việc giải giáp quân đội Nhật. Trở về Sài Gòn, tướng Gracey đứng ra làm môi giới cho người Pháp và người Việt Nam. Các cuộc thảo luận không đi đến kết quả do những yêu sách của phía Pháp.

Tuy nhiên, chỉ vài ngày sau đó, lập trường của Anh thay đổi, Mounbatten phải chuyển theo mệnh lệnh từ London do nhận được chỉ thị sử dụng quân đội Anh, Ấn để hỗ trợ cho người Pháp, nếu cần, và điều đó cũng không hại gì cho nhiệm vụ của họ ở Sài Gòn, Mounbatten chuyển những chỉ thị trên cho Gracey (Archimedes L.A. Patti, 2008, 527).

Sau đó không lâu, ngày 8/10/1945, tại Luân Đôn, Anh và Pháp ký tạm ước về việc giao cho Pháp quyền tiếp quản phía Nam vĩ tuyến 16. Thủ tướng Atlee công khai tuyên bố chính sách của Anh về Đông Dương gồm 3 điểm: Chính phủ Anh sẽ yểm trợ Pháp tái chiếm Đông Dương, công nhận chính quyền Pháp ở Sài Gòn và giao quyền cai trị ở Nam vĩ tuyến 16 cho Pháp (Vũ Dương Ninh, 2015: 81). Rõ ràng quyền lợi của Anh trùng hợp với các mục tiêu của Pháp với mục đích lâu dài nhằm khôi phục lại khu vực thuộc địa trước chiến tranh của họ ở Đông Nam Á (Archimedes L.A. Patti, 2008, 349). Cuối tháng 1/1946, quân đội Anh rút khỏi Đông Dương và giao lại miền Nam Việt Nam cho Pháp. Như vậy, Anh đã tiếp tay cho Pháp quay trở lại Đông Dương.

Khi cách mạng Trung Quốc gần đi đến thắng lợi thuộc, Anh lại quan tâm đến Đông Dương. Ngày 10/8/1949, tướng Harding, Tổng chỉ huy quân đội Anh ở Viễn Đông đến thăm Sài Gòn, sau đó, tháng 11/1949, Malcom Mac Donal, Tổng ủy Anh tại Singapore lại đến Sài Gòn để hội đàm với các nhà đương cục Pháp và Bảo Đại (Yvogras, 1979: 525).

Đầu năm 1950, các nước Trung quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân như Triều Tiên, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungari, Rumani, Bungari, Anbani công nhận và đặt

¹ Trước đó, tướng Gracey sợ sự hung hăng của người Pháp sẽ gây rối loạn, ông ra lệnh cho các đơn vị của trung đoàn bộ binh thuộc địa 11 phải quay về trại và nộp lại vũ khí.

quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay sau đó, Hoa Kỳ và Anh đáp lại bằng việc công nhận ba quốc gia liên kết vào ngày 7/2/1950. Tờ báo Anh "Times" viết: Chính phủ Anh sẽ công nhận chế độ Bảo Đại về thực tế hay về pháp lý ngay sau khi Tổng thống Ô ri ôn ký phê chuẩn Hiệp ước tháng 3... Vấn đề công nhận chế độ Bảo Đại là một trong những vấn đề làm cho các ngoại trưởng các nước thuộc Khối thịnh vượng chung bất đồng ý kiến ở Cô lô m bô" (A rơ ti đốp, A. N, Ba ri nốp, N. M, Mi rô nen cô, X. V. Mo rơ gu lốp, I. V. Xô cô Kin, A, 2019: 96).

2. Anh chủ trương tìm kiếm giải pháp hòa bình thông qua Hội nghị

Ngày 25/1/1954, Ngoại trưởng 4 nước Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô gặp nhau tại Berlin nhằm bàn bạc việc thống nhất nước Đức. Ngoại trưởng Liên Xô đã phân tích tình hình khu vực Châu Á và là người đầu tiên tổ chức một Hội nghị quốc tế gồm 5 bên là Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc nhằm tìm kiếm giải pháp cấp bách là Triều Tiên và Đông Dương. Ngày 18/2/1954, Ngoại trưởng 4 nước nhất trí ra Tuyên bố chung sẽ tổ chức Hội nghị quốc tế tại Geneve, Thụy Sĩ vào ngày 26/4/1954, để thảo luận vấn đề Triều Tiên và khôi phục hòa bình ở Đông Dương.

Sau những thất bại đầu tiên ở Điện Biên Phủ, Pháp kêu gọi Mỹ giúp sức. "Phó Tổng thống Richard Nixon, người không từ bỏ một cơ hội nào để lên án hiểm họa cộng sản, hình như tán thành việc tăng viện trợ của Mỹ" (N.H, 2004: 20). "Một động thái khác của Aixenhao là yêu cầu Anh cho biết đã nghĩ gì về một cuộc can thiệp sẽ xảy ra. Người Anh dứt khoát chống lại, vì nó sẽ dẫn đến phản ứng của Trung Quốc, mà hậu quả là người

Mỹ sẽ đối phó lại bằng vũ khí nguyên tử và kết quả là các bên sẽ lao vào cuộc xung đột thế giới" (N.H, 2004: 21).

Trước khi hội nghị diễn ra, ngày 29/3/1954, trong tuyên bố của Ngoại trưởng Mỹ Dulles, Mỹ muốn lực lượng liên hợp 10 nước bao gồm: Mỹ, Pháp, Anh, Australia, Newzeland, Philippin, Thái Lan và ba nước trong Liên bang Đông Dương sẽ cùng xuất quân bảo vệ Đông Dương khỏi rơi vào tay Cộng sản. Tuy nhiên, Anh, Mỹ bất đồng sâu sắc xung quanh giải pháp cho Đông Dương, đây quan hệ hai nước xuống mức rất thấp trước thềm Hội nghị Giơnevơ. Anh khước từ tham chiến với Mỹ với lý do rằng động binh sẽ khiến chiến tranh mở rộng ra toàn cõi Đông Dương với sự can dự trực tiếp của Trung Quốc. Quan trọng hơn là bởi lợi ích của Anh ở Đông Dương không rõ ràng (Nguyễn Văn Hường, 2016: 69).

Ngày 24/3/1954, Ngoại trưởng Mỹ Dulles vẫn yêu cầu Anh tham gia liên minh quân sự để Tổng thống Aixenhao nhận được sự ủng hộ của Quốc hội Mỹ nhưng Eden đã thoái thác. Eden đã lật lại vấn đề với Mỹ: "Tức là nếu chúng ta đánh Đông Dương, có thể sẽ phải đối mặt với một cuộc chiến tranh quy mô lớn" (Nguyễn Văn Hường, 2016: 99).

Chiều 22/4, Dulles tham khảo ý kiến Eden về đề nghị của Pháp yêu cầu Mỹ ném bom xuống Điện Biên Phủ, và Eden bác bỏ.

Ngày 24/4, Dulles và Eden lại hội đàm, có thêm Radforrd. Dulles nói rằng để khiến cho Pháp tiếp tục chiến đấu ở Đông Dương thì Mỹ và Anh cần cùng chiến đấu với Pháp theo một kế hoạch hành động chung. Eden trả lời: "về mặt chính trị, can thiệp sẽ gây ra rắc rối tột bậc ở trong nước và ông không thể tưởng tượng điều gì tồi tệ hơn đối với công

chúng. Sau khi hội đàm, Ngoại trưởng Anh bay về London để hội đàm với Thủ tướng Churchill. Tối ngày 24/4, Churchill tiếp Eden đã “từ chối nghĩa vụ quân sự ở Đông Dương” và yêu cầu “nghĩ mọi biện pháp để Hội nghị Gionevơ sắp diễn ra đạt được thành quả” (Nguyễn Văn Hưởng, 2016: 99). Hai người đồng ý rằng chia cắt Việt Nam là hy vọng tốt nhất.

Churchill đã phê chuẩn lập trường 8 điểm về Đông Dương, bất đồng ý kiến với Mỹ. Cụ thể 8 điểm như sau:

1. “Tuyên bố London” mà hai nước Anh, Mỹ vừa công bố không có nghĩa là nước Anh sẽ lập tức tham gia vào mọi cuộc thương lượng để xem xét khả năng liên minh can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

2. Trước khi Hội nghị Genève diễn ra, lực lượng vũ trang Anh không gánh vác hành động tại Đông Dương.

3. Chúng tôi sẽ ủng hộ hết sức về mặt ngoại giao đối với Đoàn đại biểu Pháp tại Hội nghị Genève, tranh thủ đạt được một phương án giải quyết thể diện.

4. Chúng tôi có thể cam kết nếu Hội nghị Genève đạt được một phương án giải quyết, chúng tôi sẽ tham gia các nỗ lực chung để thực hiện hiệp định này và sẽ tham gia liên minh phòng vệ tại Đông Nam Á cùng với Anh, Mỹ như đã trình bày trong “Tuyên bố London”.

5. Chúng tôi hy vọng hiệp định đạt được tại Genève có thể được nhiều nước liên hợp thực hiện và sẽ ảnh hưởng đến phần lớn khu vực Đông Dương.

6. Nếu tại Hội nghị Genève không đạt được bất kỳ hiệp nghị nào, chúng tôi sẽ cùng thương lượng với các nước liên minh về các giải pháp liên hợp hành động nên sử dụng.

7. Hiện tại, chúng tôi không thể đưa ra cam kết, nếu Hội nghị Genève không đạt được hiệp nghị chấm dứt tình trạng đối địch tại Đông Dương, nước Anh sẽ áp dụng biện pháp gì.

8. Hiện nay chúng tôi phải thương lượng với Chính phủ Mỹ, một khi một phần hay toàn bộ Đông Dương bị mất, cần phải sử dụng các biện pháp bảo vệ các nước Đông Nam Á, trong đó bao gồm Thái Lan và cả Malaysia” (Tiền Giang, 2005: 75-76).

Sáng ngày 25/4/1954, Nội các Anh nhất trí thông qua lập trường của Churchill. Cùng ngày, Ngoại trưởng Anh Eden đến Geneve, Eden cho rằng tiếp tục chiến tranh ở Đông Dương là bất khả và phải tìm kiếm giải pháp hòa bình thông qua Hội nghị (Nguyễn Văn Hưởng, 2016: 102).

Khi Eden đáp máy bay xuất phát, thì Hội đồng tham mưu trưởng Mỹ Redford từ Pháp đến London. Trong lúc ăn tối cùng Redford, Churchill nói: “năm 1947, Anh đã quyết định bỏ đi các vùng thuộc địa mà nước này đã đô hộ hơn 250 năm là Ấn Độ, Myanmar. Nếu đã như vậy thì Anh tại sao lại ủng hộ nước Pháp tiếp tục chiếm lĩnh Đông Dương” (Tiền Giang, 2005: 77).

Ngày 24/5/1954, Churchill và Eden tới Oasinhton. Mục đích chuyến đi này theo Eden là: “Thuyết phục Mỹ cho Pháp một cơ hội, để mấy tuần lễ nữa đạt được một hiệp nghị hòa bình tại Geneve. Trước khi đạt được việc này, không được triệu tập bất kỳ hội nghị quốc gia chống đảng cộng sản tại tổ chức Đông Nam Á. Đồng thời, tôi muốn một lần nữa bày tỏ rõ với nước Mỹ, trước khi Hội nghị Geneve đạt được thành quả nào đó, chúng tôi quyết không tham gia “hành động liên hợp” (Tiền Giang, 2005: 374).

Smith chỉ ra, tại Hội nghị Geneve xuất hiện hai nhân tố quan trọng: chính phủ Pháp suy yếu và Chính phủ Anh yêu cầu tránh khỏi một cách toàn diện những xung đột ở Viễn Đông. Điều này làm mạnh thêm lập trường của các nước cộng sản (Tiền Giang, 2005: 348). Nước Anh, với tư cách Chủ tịch luân phiên của Hội nghị đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc ngăn chặn Mỹ không tiến hành chiến dịch quân sự.

Từ ngày 2/6 đến ngày 11/6, hội nghị các đại diện quân sự Mỹ, Anh, Pháp, Australia, New Zealand để nghiên cứu mọi tình thế giả định ở Đông Dương, nhưng Anh không coi đó là đàm phán trừ bị để lập liên minh quân sự ở Đông Nam Á. Thứ trưởng Ngoại giao Anh Selwyn Lloyd cho rằng Anh không cam kết thi hành bất cứ gợi ý nào của hội nghị đó.

Ngày 10/6/1954, Ngoại trưởng Anh Eden ra tuyên bố về việc thành lập Ủy ban Quốc tế kiểm soát việc thi hành Hiệp định đình chỉ chiến sự trên lãnh thổ Đông Dương, nêu rõ: Về phía Đoàn đại biểu Vương quốc Liên hiệp Anh vẫn luôn sẵn sàng nỗ lực giải quyết những bất đồng này ở đây hoặc tại phiên họp kín, hay bằng bất cứ phương pháp nào mà đồng nghiệp của chúng tôi mong muốn” (A rơ ti đốp, A. N, Ba ri nốp, N. M, Mi rô nen cô, X. V. Mo rơ gu lốp, I. V. Xô cô Kin, A, 2019: 542).

Ngày 29 tháng 6, tại Washington, Mỹ và Anh đưa ra “phương châm bảy điểm” về vấn đề Đông Dương. Nội dung chủ yếu là:

1. Bảo đảm chủ quyền và độc lập cho Lào và Campuchia, quân đội Việt Nam rút toàn bộ khỏi hai quốc gia này.

2. Chỉ ít bảo đảm Việt Nam phải có một nửa lãnh thổ, nếu có khả năng thì bao gồm cả đồng bằng sông Hồng. Tận cùng phía nam

của giới tuyến tạm thời không thể vượt quá Đồng Hới mà vị trí là ở bắc vĩ tuyến 17.

3. Không thể áp đặt Lào, Campuchia, Việt Nam giải tán chính quyền không chế phi cộng sản của họ, phải làm cho họ duy trì được lực lượng tự vệ của mình, 3 nước không được nhập khẩu vũ khí, không được mời cố vấn nước ngoài.

4. Trong hiệp định chính trị có khả năng đạt được không thể có điều khoản dẫn tới sự thống trị của cộng sản.

5. Phải bảo đảm khả năng sau này Đông Dương hòa bình thống nhất.

6. Cung cấp giao thông thuận tiện, dưới sự giám sát quốc tế làm cho những dân cư quyết định di dân có thể đến được nơi họ muốn đến.

7. Thiết lập hệ thống giám sát có hiệu quả.

“Phương châm bảy điểm” của Anh, Mỹ đã tăng cường địa vị đàm phán của Pháp tại Genève (Tiền Giang, 2005: 349).

Khi hội nghị Genève diễn ra, trong các đoàn phương Tây, chỉ có đoàn Anh tích cực hoạt động. Eden đã than phiền: Tôi liên tục phải nêu ra các đề nghị vì nếu tôi không làm điều đó thì sẽ không có gì xảy ra.

Qua đó, chúng ta thấy, sự dính líu của Anh ở Việt Nam và Đông Dương được thể hiện qua 3 giai đoạn: từ 1945-1/1946, Anh trực tiếp vào Việt Nam, ủng hộ Pháp quay trở lại Đông Dương, sau đó Anh rút nhanh do Pháp đã làm chủ tình hình; từ 1949-1950, Anh đẩy mạnh ngăn chặn nguy cơ cộng sản; năm 1954, Anh không ủng hộ Mỹ ném bom Điện Biên Phủ và ủng hộ giải pháp hòa bình cho Đông Dương. Quan điểm đó thể hiện rõ trước hội nghị và trong hội nghị Genève với vai trò Đồng chủ tịch.

3. Vì sao quan điểm của Anh chuyển từ ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương sang tìm kiếm giải pháp hòa bình

Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, Anh sớm tuyên chiến. Sau đó, liên kết Mỹ và Liên Xô trong phe Đồng minh chống chủ nghĩa phát xít. Trong khi chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra, Đức chỉ ném bom vào Anh mà không đổ bộ vào Anh được. Những ngày cuối cùng của Chiến tranh Thế giới lần thứ 2, Anh nhận thức vai trò của mình trên các vấn đề quốc tế, Anh tham gia Liên hợp quốc, là Ủy viên Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

Là một cường quốc thuộc địa, với hệ thống thuộc địa lớn, chiếm 35 triệu km², gấp 143 lần diện tích nước Anh với hơn 500 triệu dân, gấp 12 lần dân số nước Anh (Nguyễn Anh Thái, 1996: 308). Vì vậy, Chính phủ Anh không muốn cao trào giải phóng dân tộc nổi lên mạnh mẽ ở Việt Nam, trực tiếp tác động lên hệ thống thuộc địa của Anh nhằm bảo toàn hệ thống thuộc địa của mình. Anh không muốn một tác động tiêu cực nào ảnh hưởng đến lợi ích của Anh trong khu vực này của thế giới. Anh tìm mọi cách đặt lại nền thống trị thực dân ở khu vực Đông Nam Á như Mã Lai, Miến Điện, Xingapo, Brunây. Để đảm bảo lợi ích của Anh ở khu vực Đông Nam Á, Anh đã xoay xở chặt chẽ để chèo lái cuộc đua phù hợp với mục tiêu của họ” (Nguyễn Văn Hường, 2016: 160). Vì vậy, Anh công khai, tích cực ủng hộ kế hoạch của Pháp chiếm lại Đông Dương. Mặc dù, chỉ vài năm sau khi ủng hộ Pháp quay lại xâm lược Việt Nam, Anh đã chuyển sang ủng hộ giải pháp thương lượng nhằm tìm kiếm giải pháp hòa bình cho Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng vì một số lý do sau đây:

Thứ nhất, Anh có lợi ích khi nói lại quan hệ với Trung Quốc nên tích cực đóng vai trò trung gian cho nỗ lực lập lại trật tự ở Đông Dương.

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Anh có một trở ngại lớn khi Hồng Kông là nhượng địa của Anh từ năm 1843. Đến năm 1949, bên cạnh những vấn đề chính trị, yếu tố thương mại bắt đầu được chú ý đến trong quan hệ hai nước. Khi Mao Trạch Đông đánh bại Tưởng Giới Thạch, Anh là người đầu tiên tiếp xúc bí mật với đại diện chính phủ Trung Quốc mới ở Hồng Kông. Tháng 11/1949, vấn đề Anh công nhận Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được quyết định, và được chính thức tuyên bố ngày 6/1/1950 (Ph. Gioay Ô, 1981: 262). Vào đầu cuộc chiến tranh Triều Tiên, Chính phủ Công đảng của Thủ tướng Attlee đã cung cấp máy bay phản lực Rool-Royce cho Trung Quốc. Tại Hội đồng Bảo an tháng 10/1950, Anh đã đề nghị cho Trung Quốc được gia nhập một số cơ quan thuộc tổ chức Liên hợp quốc. Tuy nhiên, vấn đề người tị nạn ở Hồng Kông, việc ký kết Hiệp ước liên minh Trung - Xô, việc giữ lại Lãnh sự quán Anh tại Tan shui để duy trì quan hệ với nhà đương cục Đài Loan... Đến tháng 2/1952, các công ty cuối cùng của Anh phải rời khỏi Trung Quốc, lần lượt các Lãnh sự quán Anh bị đóng cửa, chỉ còn lãnh sự quán Anh tại Thượng Hải và một bộ phận lãnh sự ở Bắc Kinh. Cho đến trước Hội nghị Giơ ne vơ bức tranh về mối quan hệ Trung - Anh có thể coi là khá tiêu cực (Ph. Gioay Ô, 1981: 263).

Tại Hội nghị Geneve, Ngoại trưởng Eden đã thống nhất với Trung Quốc nhiều quyết định quan trọng và đóng vai trò cầu nối thuyết phục Mỹ, Pháp chấp nhận những quyết định đó. Ngày 23/6/1954, sau khi trở

về nước, Eden chủ trì cuộc biện luận về chính sách ngoại giao tại Hạ viện Anh, đồng thời báo cáo về tình hình nước Anh tham gia Hội nghị Gionevơ, về quan hệ Anh - Trung, Eden nói: “Một kết quả của Hội nghị Geneve là quan hệ Anh Trung được cải thiện, hơn nữa đã sản sinh một số kết quả. Đó là điều mọi người đã nhìn thấy. Tôi rất phấn khởi vì có cơ hội gặp gỡ ngài Chu Ân Lai. Rõ ràng là những cuộc hội đàm của hai nước tại Geneve là có giá trị. Đối với tôi thì những cuộc hội đàm đó đã chứng minh là có lợi cho nước ta, hơn nữa còn thực sự có lợi cho chung sống hòa bình, mà chung sống hòa bình vẫn là mục đích và tôn chỉ trong giao tiếp giữa chúng ta và mỗi nước” (Tiền Giang, 2005: 346-347).

Thứ hai, Chính phủ Công đảng buộc phải công nhận độc lập của một số nước.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, các nguồn lực của nước Anh cả chính quốc và thuộc địa bị phá hủy nghiêm trọng. Hệ thống thuộc địa rộng lớn từng đưa đến cho nước Anh một niềm tự hào - mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh, bắt đầu tan rã trước sức mạnh và sự lan tỏa của phong trào phi thực dân hóa trên thế giới sau chiến tranh. Sự suy sụp về kinh tế khiến những năm cầm quyền của Chính phủ Công đảng của Attlee Atli (1945-1951) được biết đến như là thời kỳ khắc khổ trong lịch sử nước Anh hiện đại. Sự khan hiếm các nguồn nguyên liệu, nhiên liệu để sản xuất cũng như nhu yếu phẩm tối thiểu cho cuộc sống đã buộc khoảng một nửa số dân Anh phải sống trong chế độ phân phối theo khẩu phần cho đến những năm 1947-1948 (Trần Thị Vinh, 2019: 264).

Trước sức ép của phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa Anh, tháng 8/1947, kế hoạch Maobotton với tư cách là “Đạo luật về nền độc lập Ấn Độ” được nghị viện Anh thông qua và có hiệu lực từ ngày 15//1947. Cũng trong thời gian này, chính quyền Anh chuyển giao chính quyền cho Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo. Từ đó, Ấn Độ và Pakixtan bắt đầu thời kỳ độc lập. Tháng 10/1947, thực dân Anh buộc phải ký Hiệp ước Anh - Miến, công nhận nền độc lập và tự chủ của Miến Điện. Từ 4/2/1948, Xây Lan (năm 1972 đổi tên thành Sri Lanka) trên danh nghĩa một nước tự trị nhưng phụ thuộc vào Anh.

Chính sách đối nội và đối ngoại của Chính phủ Công đảng đã gây nên sự bất bình trong quần chúng và đưa đến thắng lợi của Đảng Bảo thủ trong những năm 1951-1954. Giai đoạn này, nước Anh bước vào thời kỳ khôi phục được nền sản xuất trước chiến tranh, giảm tỷ lệ thất nghiệp, mức sống của người dân được cải thiện. Vì vậy, Anh muốn có một sự trung hòa giữa các nước lớn để phát triển đất nước.

Như vậy, chúng ta thấy, từ một nước có hệ thống thuộc địa lớn để bảo toàn lợi ích của mình, Anh ủng hộ Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam. Nhưng cũng xuất phát từ chính lợi ích của mình, Anh đã ủng hộ giải pháp tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam. Tại Hội nghị Gionevơ, Anh muốn chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở chia cắt Việt Nam. Đó cũng là mong muốn của Liên Xô, Trung Quốc. Vì vậy, Hiệp định đình chi chiến sự được ký kết tại Hội nghị Gionevơ, đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài 9 năm. Thắng lợi đó góp phần cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, thúc đẩy quá trình sụp đổ

của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. Miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, là hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam để đi tới thắng lợi vĩ đại ngày 30/4/1975, thống nhất đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Hường (2016), *Phán xét các nước lớn đã can thiệp vào chiến tranh Việt Nam như thế nào*, NXB CAND, Hà Nội.
2. Pierre Journound (2019), *De Gaulle và Việt Nam (1945-1969)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Nguyễn Mạnh Hà (2017), *Chính sách chính trị, quân sự của Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1945-1954 và nguyên nhân thất bại*, NXB LLCT, Hà Nội.
4. Ban tổng kết chiến tranh Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Lịch sử Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, NXB CTQG, Hà Nội.
5. Archimedes L.A. Patti (2008), *Why Việt Nam*, NXB Đà Nẵng.
6. Vũ Dương Ninh (2015), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, NXB CTQG, Hà Nội.
7. Yvogras, *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb Plon, P.1979, bản dịch của Hoàng Thanh Quang.
8. A rơ ti dốp, A. N, Ba ri nốp, N. M, Mi rô nen cô, X. V. Mo rơ gu lớp, I. V. Xô cô Kin, A (2019), *Liên Xô và Việt Nam trong những năm chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất*, Hội nghị Gionevơ tuyển chọn văn kiện và tài liệu, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
9. N.H dịch theo Historica (2004), *Chiến dịch "Con Ó"*, Tạp chí Xưa và nay, số 209, tháng 4.
10. Nguyễn Anh Thái (1996), *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 1995*, tập 3, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
11. Tiền Giang (2005), *Chu Ân Lai và Hội nghị Geneve*, NXB Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, bản dịch từ tiếng Trung Quốc của Bộ Ngoại Giao.
12. Phơ rang xoa Gioay Ô (1981), *Trung Quốc với việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (Giơ ne vơ 1954)*, NXB Thông tin Lý luận, Hà Nội.
13. Trần Thị Vinh (2019), *Chủ nghĩa tư bản, lịch sử thắng trăm 120 năm (1900-2020)*, NXB CTQG, Hà Nội.